

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Tính đến ngày 31/10/2020)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quyết định bổ nhiệm GĐV tư pháp	Lĩnh vực giám định	Tình trạng		Nơi công tác/ Nơi thường trú	Ghi chú
					Chuyên trách	Kiểm nhiệm		
I	GIÁM ĐỊNH VIÊN PHÁP Y/PHÁP Y TÂM THẦN							
1	Bùi Bình Trung	03/02/1974	Số 920/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Pháp y	x		Trung tâm Pháp y tỉnh	Giám đốc Trung tâm
2	Trương Lê Thanh	25/7/1986	Số 920/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Pháp y	x		Trung tâm Pháp y tỉnh	
3	Lê Đình Mẫn	1964	Số 858/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông	Pháp y	x		Trung tâm Pháp y tỉnh	
4	Y AuBert Mlô	23/02/1967	Số 188/QĐ-UBND ngày 22/01/2020	Pháp y	x		Trung tâm Pháp y tỉnh	

5	Đặng Sơn Đáng	14/6/1961	Số: 2594/QĐ-UBND ngày 16/10/2000	Pháp y	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
6	Nguyễn Quang Thạnh	12/10/1987	Số: 250/QĐ-UBND ngày 07/02/2017	Pháp y	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
7	Đỗ Xuân Lộc	1965	Số: 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Nhi tim mạch		x	Trung tâm y tế huyện Ea Kar	
8	Nguyễn Hữu Thành	1963	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản		x	Trung tâm y tế huyện Cư Kuin	
9	Bùi Khắc Hùng	1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản		x	Trung tâm y tế huyện Krông Pắc	
10	Y Kiêm Tor	1970	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản		x	Trung tâm y tế huyện Ea Súp	
11	Nguyễn Như Khánh	1960	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản		x	Trung tâm y tế huyện Lắk	
12	Nguyễn Văn Đệ	1967	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Sản khoa		x	Trung tâm y tế huyện Ea H'leo	
13	Bùi Nam Ôn	1964	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Sản khoa		x	Trung tâm y tế huyện Cư M'gar	

14	Đoàn Sỹ Hoàng	1962	Số: 591/QĐ-UBND ngày 30/6/2004	Sản khoa		x	Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	
15	Nguyễn Đại Phong	1962	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Sản khoa		x	Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	
16	Trần Thuận	1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Y tế công cộng		x	Trung tâm Y tế huyện Krông Buk	
17	Trịnh Đức Lam	1967	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Trung tâm y tế huyện Cư Kuin	
18	Lại Quang Miễn	1962	Số: 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Ngoại khoa		x	Trung tâm y tế thành phố Buôn Ma Thuột	
19	Châu Đương	1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	
20	Ngô Quang Vinh	1965	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Trung tâm y tế huyện M'Đrăk	
21	Phạm Xuân Thủy	1968	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Trung tâm y tế huyện M'Đrăk	
22	Hồ Đức Châu	1964	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Ngoại khoa		x	Trung tâm y tế huyện Krông Năng	

23	Nguyễn Phú Đức	1971	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Ngoại khoa		x	Trung tâm y tế huyện Krông Bông	
24	Bùi Công Sự	1964	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại khoa		x	Trung tâm y tế huyện Krông Ana	
25	Nguyễn Văn Mạnh	1966	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Răng hàm mặt		x	Trung tâm y tế huyện Krông Păk	
26	Nguyễn Quang Thừa	1963	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Răng Hàm Mặt		x	Trung tâm y tế huyện M'Đrăk	
27	Nguyễn Văn Thông	1962	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Nội khoa		x	Trung tâm y tế huyện Krông Năng	
28	Y Thoan Ê Ban	1975	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Nội khoa		x	Trung tâm y tế huyện Ea H'leo	
29	Từ Công Hiến	1959	Số: 1028/QĐ-UBND ngày 25/12/1989	Giải phẫu bệnh			Số nhà 415, đường Phan Chu Trinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
30	Trương Xuân Bé	1953	Ngày 17/02/2009	Sản khoa			Số 73 Lê Hồng Phong, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu

31	Phạm Ngọc Soạn	1955	Ngày 17/02/2009	Ngoại khoa			Tổ dân phố 1, Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
32	Hồ Thị Minh Thiện	1962	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Y học cổ truyền			Số 51 Trần Hưng Đạo, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
33	Hàn Bửu Chương	1957	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Ngoại tổng quát			Số nhà 64B Nguyễn Tri Phương, phường Thành Công, tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
34	Nguyễn Văn Liệu	1952	Ngày 12/11/2004	Nội khoa			Thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
35	Trần Đình Trí	1959	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại niệu			Số 147 đường Trần Phú, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
36	Nguyễn Thanh Tịnh	1954	Ngày 27/7/2010	Tâm thần			Số 42 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Nghỉ hưu
37	H' Briu Niê	1962	Số 472/QĐ-UBND ngày 14/02/2015	Tâm thần			Số 102 đường 19/5, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu

38	Nguyễn Thám	1960	Số: 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Ngoại sản			Tổ dân phố 2A, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
39	Y Bhuất Niê	1960	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại tổng quát			Buôn Surk, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
40	Trần Ngọc Minh	1962	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Nhi khoa			Tổ dân phố 7, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
41	Trần Đức Dũng	1961	Số: 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Ngoại sản			Thôn Tân Lập 7, xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
42	Nguyễn Đức Lộc	1973	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Ngoại sản			Thôn 14, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Thôi việc
II	GIÁM ĐỊNH VIÊN KỸ THUẬT HÌNH SỰ							
1	Nguyễn Thanh Liêm	19/12/1961	Ngày 31/10/1992	Kỹ thuật hình sự (đường vân)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
2	Võ Chí Long	07/10/1968	Số: 579/QĐ-UBND ngày 15/3/2012	Kỹ thuật hình sự (đường vân)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
3	Phạm Anh Đức	20/4/1989	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	Kỹ thuật hình sự (đường vân)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	

4	Ngô Đức Thiện	15/11/1978	Số: 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Kỹ thuật hình sự (sinh học)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
5	Đặng Thị Thái Mỹ	11/02/1990	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	Kỹ thuật hình sự (sinh học)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
6	Cao Tiến Trung	12/10/1980	Số: 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
7	Nguyễn Duy Hùng	03/9/1984	Số: 3544/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
			Số: 1907/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	Kỹ thuật hình sự (dấu vết đường vân)				
8	Hà Thị Hằng	30/4/1983	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
9	Nguyễn Đình Huân	30/11/1987	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
10	Nguyễn Quốc Tuấn	21/4/1986	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
11	Nguyễn Thị Thúy Phương	27/7/1980	Số: 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Kỹ thuật hình sự (Hóa hình sự)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	

12	Lê Khắc Nguyên	26/8/1987	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	Kỹ thuật hình sự (hoá học)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
13	Nguyễn Bá Hoàn	12/8/1980	Số: 579/QĐ-UBND ngày 15/3/2012	Kỹ thuật hình sự (Hóa pháp lý)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
14	Trần Hoàng Việt	11/3/1989	Số: 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	Kỹ thuật hình sự (kỹ thuật)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
			Số: 1910/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	Kỹ thuật hình sự (kỹ thuật số và điện tử)				
15	Võ Ngọc Thắng	26/3/1987	Số: 1454/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	Kỹ thuật hình sự (kỹ thuật)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
16	Trịnh Hùng Chiến	23/02/1984	Số: 1908/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	Kỹ thuật hình sự (dấu vết đường vân)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
17	Đinh Thị Hồng Thu	21/10/1992	Số: 1909/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	Kỹ thuật hình sự (dấu vết đường vân)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
18	Nguyễn Hoàng Dũng	15/9/1984	Số: 1911/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	Kỹ thuật hình sự (tài liệu)	x		Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	
19	Nguyễn văn Chiến	05/01/1960	Số: 3544/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	Kỹ thuật hình sự (dấu vết cơ học)			Xã Hoà Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu

III								
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH								
1	Y-Kô Niê	17/12/1962	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch		x	Phòng Quản lý Văn hoá - Sở Văn hoá, thể thao và du lịch	
2	Trần Hùng	09/12/1963	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch		x	Ban Quản lý di tích	
3	Phạm Mạnh Cường	07/8/1978	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch		x	Đoàn Ca múa nhạc Dân tộc	
4	Trịnh Văn Thùy	09/11/1956	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch			Số nhà 59, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
5	Bùi Văn Khối	20/01/1960	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, thể thao và Du lịch			Khối 6, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
IV								
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH								
1	Nguyễn Tấn Thành	02/10/1966	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Tài chính		x	Phó Giám đốc Sở Tài chính	

[illegible]

1	Nguyễn Văn Thảo	19/01/1980	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Thủy sản		x	Chi cục Thủy sản	
2	Nguyễn Quốc Hùng	13/3/1966	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Thủy lợi		x	Chi cục Thủy lợi	
3	Y Định K'Buôr	16/10/1963	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Lâm nghiệp		x	Chi cục Kiểm lâm	
4	H'Blun Niê	04/4/1974	Ngày 27/7/2010	Trồng trọt		x	Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	
5	Nguyễn Thanh Dũng	17/6/1978	Ngày 27/7/2010	Kiểm lâm		x	Chi cục Kiểm lâm	
6	Nguyễn Hải Quế	01/7/1972	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
7	Quách Đình Trúc	14/5/1976	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
8	Trần Quốc Hoan	17/02/1964	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
9	Đỗ Văn Thoa	24/02/1964	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	

10	Nguyễn Bình Lâm	07/3/1967	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
11	Nguyễn Việt Cường	01/01/1979	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
12	Trần Văn Tùng	12/02/1984	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
13	Lê Hữu Sơn	05/11/1977	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
14	Phạm Duy Mẫn	25/5/1978	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
15	Quách Trung Hiếu	30/01/1980	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
16	Lê Thanh Khánh	11/5/1978	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
17	Y Knáp Byă	20/8/1965	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
18	Ninh Văn Vịnh	14/9/1970	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	

19	Đặng Văn Tính	19/4/1975	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
20	Bùi Tiến Hoàng	02/10/1968	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
21	Phạm Ngọc Quang	15/8/1983	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
22	Mai Ngọc Sơn	04/8/1973	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
23	Chung Quý Bình	16/7/1976	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
24	Nguyễn Thái Hưng	20/01/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
25	Huỳnh Văn Bin	16/3/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
26	Hoàng Danh Văn	05/01/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
27	Ngô Văn Tùng	14/6/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	

28	Lê Trọng Nghĩa	30/9/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
29	Lê Hưng	03/7/1977	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
30	Nguyễn Thanh Tuấn	16/02/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
31	Nguyễn Quang Trung	23/01/1980	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
32	Bùi Xuân Long	22/9/1984	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
33	Văn Phú Quang	16/02/1983	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
34	Nguyễn Hải Đường	02/12/1978	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
35	Nguyễn Văn Hiến	05/05/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
36	Trương Văn Ty	24/8/1986	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	

37	Hồ Văn Lành	11/11/1982	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	Chi cục Kiểm lâm	
38	Phan Đình	01/01/1961	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Kiểm lâm			Số 02 Nguyễn Sơn, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
39	Nguyễn Văn Hương	10/5/1965	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản			Đội 1, thôn Tiến Phú, xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
40	Hồ Đức Dũng	11/7/1960	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản		x	116 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Krông Krma, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu
VII	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG							
1	Trần Ngọc Bổng	30/01/1965	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Báo chí		x	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Nguyễn Hoàng Dưỡng	09/4/1967	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Báo chí		x	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Huỳnh Sự	10/10/1983	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Báo chí		x	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Sở Thông tin và Truyền thông	

4	Phạm Thị Minh Huệ	23/4/1987	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Báo chí		x	Trung tâm quản lý Cổng thông tin điện tử tỉnh	
5	Vũ Ngọc Anh Quyên	01/01/1981	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Xuất bản		x	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Sở Thông tin và Truyền thông	
6	Nguyễn Công Bấy	11/02/1963	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Luật		x	Phòng Thanh Tra - Sở Thông tin và Truyền thông	
7	Võ Xuân Quang	01/11/1977	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Bưu chính viễn thông		x	Phòng Bưu chính Viễn Thông - Sở Thông tin và Truyền thông	
8	Diệp Quốc Phú	25/12/1977	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Điện tử - Viễn Thông		x	Phòng Bưu chính Viễn Thông - Sở Thông tin và Truyền thông	
9	Nguyễn Ngọc Đích	02/9/1975	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Kinh tế		x	Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	
10	Phạm Đức Nghị	08/4/1971	Số 661/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	Kinh tế		x	Phòng Thông tin và Truyền thông - Sở Thông tin và Truyền thông	
11	Ngô Xuân Hoà	08/11/1984	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Phòng Bưu chính Viễn Thông - Sở Thông tin và	

							Truyền thông	
12	Nguyễn Sơn Thành	24/01/1979	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Công nghệ thông tin		x	Phòng Kế hoạch - Tài chính - Sở Thông tin và Truyền thông	
13	Hà Văn Dũng	23/02/1971	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Công nghệ thông tin		x	Phòng Công nghệ thông tin - Sở Thông tin và Truyền thông	
14	Phạm Thị Linh Nhâm	18/8/1982	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
15	Bùi Minh Long	03/4/1982	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Phòng Công nghệ thông tin - Sở Thông tin và Truyền thông	
16	Phạm Công Hiến	01/4/1982	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Công nghệ thông tin		x	Phòng Công nghệ thông tin - Sở Thông tin và Truyền thông	
17	Trần Xuân Tiệp	26/12/1980	Số 661/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	Công nghệ thông tin		x	Phòng Công nghệ thông tin - Sở Thông tin và Truyền thông	
18	Nguyễn Đình Chiêu	18/8/1981	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	

19	Võ Nguyễn Hoàng Nam	08/10/1975	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	
20	Đỗ Việt Hoà	24/9/1983	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	
21	Phùng Thị Thơm	03/11/1986	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	
22	Trần Duy Tân	16/5/1978	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	
23	Đinh Hồng Lâm	26/02/1983	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	
24	Châu Hoà Khánh Tâm	01/01/1985	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin		x	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	
25	Trần Dũng	08/01/1975	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Luật		x		Thôi việc
VIII	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG							
1	Lê Trần Tự	1966	Ngày 11/3/2011	Điện		x	Phòng Quản lý năng lượng - Sở Công Thương	
2	Võ Đình Đoan	1963	Ngày 11/3/2011	An toàn công nghiệp		x	Văn phòng Sở Công Thương	

3	Trần Trọng Lưu	1974	Ngày 11/3/2011	Thương mại		x	Phòng Quản lý thương mại- Sở Công Thương	
IX	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG							
1	Cao Quang Diễn	1967	Ngày 11/3/2011	Quản lý Đất đai		x	Phòng Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Đào Thị Xuân Hoa	1976	Ngày 11/3/2011	Quản lý bảo vệ môi trường		x	Chi cục Bảo vệ môi trường	
3	Lê Huy	09/4/1958	Ngày 11/3/2011	Quản lý Đất đai			Số nhà 92 Nguyễn Viết Xuân, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nghỉ hưu

Tổng số Giám định viên tư pháp trên địa bàn tỉnh: 145 người